

Tập 196

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm chín mươi tám:

(Diễn) Như thượng sở dẫn chư nhân, hoặc vi quốc vương, vương tử, hoặc vi Luân Vương, hoặc vi tỳ-kheo, hoặc vi pháp sư, hoặc cúng dường Phật, hoặc thuyết pháp lợi nhân, hoặc phát Tứ Hoàng Thệ, hoặc hành Lục Độ, sở vị căn thâm quả mậu, nguyên viễn lưu trường, đạo bất lãng giai, tùy công thiệp vị nhĩ.

(演)如上所引諸因，或為國王王子，或為輪王、或為比丘，或為法師，或供養佛，或說法利人，或發四宏誓，或行六度，所謂根深果茂，源遠流長，道不浪階，隨功涉位耳。

(Diễn: “Các nhân đã dẫn như trên đây”): Hoặc làm quốc vương, vương tử, hoặc làm Luân Vương, hoặc làm tỳ-kheo, hoặc làm pháp sư, hoặc cúng dường Phật, hoặc thuyết pháp lợi người, hoặc phát Tứ Hoàng Thệ, hoặc hành Lục Độ. Đó gọi là “rễ sâu, quả xum xuê, do nguồn xa, dòng chảy sẽ dài”, đạo chẳng vượt cấp, tùy theo công hạnh mà đạt quả vị vậy).

Đoạn này vẫn là giải thích chuyện tu hành nơi nhân địa của A Di Đà Phật đã được nhắc đến trong lời Sao. Trong lời Sao đã dẫn một đoạn kinh văn trong kinh Nhất Hướng Xuất Sanh Bồ Tát; ở đây, nêu ra một tổng kết. Lời tổng kết ấy có ý nghĩa hết sức rộng rãi: A Di Đà Phật không chỉ tu hành nhân địa trong một đời, mà Ngài đã đời đời kiếp kiếp tu hành nhân địa. Bồ Tát ứng thể do thuận theo cơ duyên của chúng sanh, như trong phẩm Phổ Môn đã nói: “Đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn thị hiện thân phận như thế ấy”. Ở đây đã nêu ra [các thân phận] quốc vương, vương tử, Luân Vương, đều là sự thị hiện của Bồ Tát. Do vậy có thể biết, trong quá trình Ngài thị hiện, đời đời kiếp kiếp đều phát Bồ Đề tâm, phát Tứ Hoàng Thệ Nguyên, tu Lục Độ, vạn hạnh. Kế đó là lời tổng kết: “Căn thâm, quả mậu” (Rễ sâu, quả xum xuê). Những chuyện này chúng ta đều phải làm theo, phải học tập. Người ta đời đời

kiếp kiếp tu hành, chẳng phải là thành tựu trong một đời một kiếp, tùy theo công phu mà quả vị tăng tấn, mãi cho đến khi viên mãn thành Phật.

(Diễn) *Kim nhân nhất hạnh bất tu, dục hy thắng quả, kỳ do quyền thạch vị biện, dục lũy thất tầng bảo tháp, kỳ khả đắc hồ?*

(演) 今人一行不修，欲希勝果，其猶拳石未辦，欲累七層寶塔，其可得乎。

(Diễn): *Người đời nay chẳng tu một hạnh nào cả, cứ mong muốn quả thù thắng, ví như một hòn đá bé tí còn chưa lo liệu mà đã toan dựng tháp báu bảy tầng, há có được chăng?*

Nói tới chúng ta trong hiện tại; đây cũng là răn nhắc chúng ta rất sâu! Đương nhiên, trong quá khứ, chúng ta cũng là đời đời kiếp kiếp tu hành cái nhân, nhưng bản thân chúng ta phản tỉnh bèn biết: Đời đời kiếp kiếp tu hành, nay vẫn là phàm phu, vẫn là nghiệp chướng, phiền não trùng trùng, chẳng được giải thoát, tuyệt đối chẳng phải là Bồ Tát thừa nguyện tái lai. Nếu là Bồ Tát thừa nguyện tái lai, tâm địa sẽ thanh lương tự tại, biết quá khứ, hiện tại, vị lai, chúng ta chẳng có năng lực ấy. Chúng ta phải ghi nhớ lời giáo huấn ở chỗ này. Chúng ta tu hằng ngày, nhưng trọn chẳng có gì là tu tập nghiêm túc, tu tập thật thà. Nếu muốn cầu đạt được quả báu thù thắng, sẽ là chuyện khó khăn. Kế đó là một tỷ dụ: “*Quyền thạch*” (拳石) là hòn đá nhỏ chùng bằng nắm tay. Một hòn đá bé tẹo như vậy mà còn chẳng có, làm sao quý vị có thể dựng tháp báu bảy tầng cho được? Tỷ dụ này ngụ ý: Quả địa Phật, Bồ Tát là phải do tích công lũy đức thì mới có thể tu thành, tuyệt đối chẳng phải là do chụp giật, lươn lẹo mà hòng đạt được!

(Diễn) *Vi diệu pháp môn giả, vị tâm pháp diệu, Phật pháp diệu, chúng sanh pháp diệu.*

(演) 微妙法門者，謂心法妙，佛法妙，眾生法妙。

(Diễn): “*Vi diệu pháp môn*” là tâm pháp diệu, Phật pháp diệu, và chúng sanh pháp diệu).

Kinh Pháp Hoa giảng ba thứ diệu này rõ ràng nhất. Quy nạp lại, “*diệu*” chẳng ngoài ba pháp:

1) Thứ nhất là “*tâm pháp diệu*”. Tâm có thể hiện hết thủy vạn pháp, nhưng chẳng nhiếp hết thủy vạn pháp. Nó diệu là diệu ở chỗ này!

Nếu hiện hết thấy vạn pháp, lại nhiễm hết thấy vạn pháp, tâm ấy chẳng diệu! Tâm phàm phu chẳng diệu, vì sao? Suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm toàn là dây vọng tưởng. Tuy giống chư Phật, Bồ Tát biến hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, nhưng bị nhuốm bản, bị trói buộc bởi hết thấy các pháp, nên chẳng diệu! Họ chẳng biết muôn pháp không có tự tánh, hết thấy vạn pháp vốn không tịch, chẳng hiểu chân tướng sự thật này, nên nhiễm trước hết thấy vạn pháp, đánh mất diệu tâm, mê mất diệu tâm.

2) Thứ hai là “*Phật pháp diệu*”. Phật pháp là giác, Phật pháp là không mê. Đối với diệu tâm và diệu cảnh (“*diệu cảnh*” chính là “*chúng sanh pháp*” sẽ được nói trong đoạn kế tiếp), thông đạt rành rành chân tướng sự thật này, tự tại vô ngại. Đó là Phật pháp diệu.

3) Thứ ba là “*chúng sanh pháp diệu*”. “*Chúng sanh pháp*” là nói về tướng.

Ba câu này nếu nói theo thuật ngữ triết học hiện đại thì “*tâm pháp diệu*” là bản thể diệu, “*Phật pháp diệu*” là nhận thức diệu, trong triết học gọi là Nhận Thức Luận (Epistemology), “*chúng sanh pháp diệu*” là hiện tượng diệu. Trong triết học [ba điều này được gọi] là bản thể, hiện tượng, và nhận thức. Phật pháp là nhận thức, có thể nhận thức chánh xác hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, kinh điển thường gọi sự nhận thức ấy là “*chư pháp Thật Tướng*”, người ấy hiểu rõ chân tướng của hết thấy các pháp. “*Chúng sanh pháp diệu*” là hết thấy các tướng đã hiện. “*Chúng sanh*” ở đây không chỉ là nói về hữu tình mà còn bao gồm vô tình. Tất cả hết thấy các hiện tượng, thường gọi là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, thấy đều là vật được biến hiện bởi tự tâm, xác thực là ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Vạn pháp do tâm biến hiện; tâm có một niệm thiện liền biến ra tứ thánh pháp giới, một niệm ác liền biến thành lục phàm pháp giới.

Pháp giới trọn đủ viên mãn, đúng như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ*”, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới vốn trọn đủ trong tự tánh. Vốn trọn đủ, khi biến hiện bèn là: “*Một pháp giới hiện, chín pháp giới ẩn*”. “*Hiện*” thì nó chỉ có thể hiện một cảnh giới, một pháp giới, còn chín pháp giới kia tạm thời chẳng hiện. Nay chúng ta gọi những pháp giới ấy là “*không gian nhiều chiều*”. Nhân pháp giới (pháp giới loài người) của chúng ta là không gian ba chiều, súc sanh pháp giới là ba chiều và hai chiều, pháp giới của quỷ thần là bốn chiều hoặc năm chiều. Con người chết rồi đầu thai, nói thật ra là chuyển biến không gian, từ một chiều không gian này chuyển sang một chiều

không gian khác, chuyện là như thế đó. Nói kiêu này, những người học khoa học có thể thấu hiểu, cũng sẽ thừa nhận, nói theo lý luận sẽ suông sẻ. Hết thấy các pháp giới là “*duy tâm sở hiện*”: Tâm thanh tịnh hiện Tịnh Độ, tâm chẳng thanh tịnh hiện uế độ; hết thấy đều biến hiện từ tâm. Vì thế, tu hành chẳng phải là tu nơi cảnh giới, mà phải tu từ nơi tâm địa. Tâm là căn bản, tâm là cái có thể biến, cảnh là cái được biến, nhất định phải hiểu rõ chuyện này!

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh bản lai thành Phật, thị thập kiếp nghĩa.

(疏)稱理，則自性本來成佛，是十劫義。

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh vốn sẵn thành Phật là ý nghĩa của “mười kiếp”).

Chúng ta xem phần giải thích cho câu này trong lời Sao. Đừng hiểu “mười” ở đây là một con số cố định, nó được dùng với ý nghĩa biểu thị pháp. Dưới đây, [đại sư] đã dẫn một thí dụ trong kinh Hoa Nghiêm.

(Sao) Hoa Nghiêm cử thập, thị biểu vô tận. Tức kim tự tánh thành Phật dĩ lai, hà chỉ Oai Âm na biên cánh na biên, trần sa kiếp hựu trần sa kiếp dã.

(鈔)華嚴舉十，是表無盡。即今自性成佛以來，何止威音那邊更那邊，塵沙劫又塵沙劫也。

(Sao: Kinh Hoa Nghiêm nêu ra “mười” nhằm biểu thị sự vô tận. Tức là [“mười kiếp” trong kinh này phải hiểu là] kể từ khi tự tánh thành Phật đến nay, há có phải chỉ là trước thời Oai Âm Vương Phật, mà lại còn là trước thời đó nữa, là trần sa kiếp trước trần sa kiếp vậy).

Đây là nói lời thật cùng chúng ta. Sách Diễn Nghĩa có chú thích mấy câu này.

(Diễn) Hoa Nghiêm cử thập biểu vô tận giả, nhất giả số chi thủ, thập giả số chi chung.

(演)華嚴舉十表無盡者，一者數之始，十者數之終。

(Diễn: “Hoa Nghiêm nêu ra Mười nhằm biểu thị vô tận”: Một là con số khởi đầu, mười là con số kết thúc).

Nêu ra số Mười là nói tới sự kết thúc, dùng theo ý nghĩa viên mãn.

(Diễn) *Thiên vi thập bách, vạn vi thập thiên, kinh trung số sự, tất cử thập giả, biểu vô tận dã.*

(演)千為十百，萬為十千，經中數事，必舉十者，表無盡也。

(Diễn): *Ngàn là mười lần một trăm, vạn là mười ngàn, trong kinh hết nói tới nhiều sự đều dùng Mười để biểu thị sự vô tận.*

Chúng ta thấy điều này từ kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm bất luận nói tới pháp nào, đều kể ra mười pháp, nhằm biểu thị các pháp vô tận, các pháp viên dung, pháp pháp vô ngại, hiển thị cảnh giới được gọi là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại của kinh Hoa Nghiêm. Ở đây cũng có ý nghĩa này, vì cổ đức gọi kinh này là Tiểu Bản Hoa Nghiêm. Do đó, nghĩa thú trong kinh này và nghĩa thú của Hoa Nghiêm chẳng khác gì nhau! Hoa Nghiêm nói bốn vô ngại pháp giới, kinh này cũng trọn đủ bốn món vô ngại. Hoa Nghiêm nói Thập Huyền Môn, kinh này cũng trọn đủ Thập Huyền Môn, các kinh khác chẳng có những điều này. Vì thế, cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, gọi kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, đích xác là có căn cứ. Điều này đã nêu rõ ý nghĩa: Tự tánh vốn đã thành Phật là vô tận, chẳng có ngăn mé. Trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã tuyên bố minh bạch: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, do Ngài nhìn từ chỗ này. Vì thế, chẳng nói tới thời gian. “*Mười kiếp*” ở nơi đây nhằm biểu thị [ý nghĩa] chẳng có khởi đầu, không có kết thúc, biểu thị ý nghĩa này, vốn đã thành Phật!

“*Hà chỉ Oai Âm na biên*” (Đâu phải chỉ là thời Oai Âm Vương Phật), “*Oai Âm*” là nói về Oai Âm Vương Phật (Bhīṣma-garjitasvararāja). Trong kinh điển, đức Thế Tôn có nói trong vô lượng kiếp trước, con số này hết sức to lớn, có một vị Phật xuất thế hiệu là Oai Âm [Vương]. Kinh thường nói: “*Trước thời Oai Âm Vương, chẳng có thầy, chính mình có thể ngộ đạo. Sau Oai Âm Vương Phật, nếu chẳng có sư thừa [mà tự mình ngộ đạo] thì đều là thiên nhiên ngoại đạo*”. Do đó, sau thời Oai Âm Vương ắt phải có sư thừa. Chúng ta đọc Đàn Kinh, sẽ thấy đoạn này trong phần chép về thiền sư Huyền Giác.

(Sao) Nhược định chấp thập kiếp, tích nhân đạo, do thị Vương lão sư nhi tôn.

(鈔)若定執十劫，昔人道，猶是王老師兒孫。

(Sao: Nếu chấp khăng khăng [thật sự là chỉ đúng] mười kiếp, có nhân bảo [kể chấp trước như vậy] vẫn là con cháu của Vương lão sư).

Có những người xem kinh văn bèn chấp trước. Kinh nói “mười kiếp”, họ bèn chấp trước thật sự có mười kiếp. [Hiểu] thật sự là mười kiếp thì có sai lầm hay không? Chẳng sai, nhưng tầm nhìn quá nông cạn! Nếu có thể thấy A Di Đà Phật vốn đã thành Phật, cách nhìn ấy là sâu xa, ý nghĩa viên mãn. Nói theo sự tướng là mười kiếp, tức là nhìn theo dấu tích thị hiện, đây chính là A Di Đà Phật thị hiện trong giai đoạn hiện tại ở Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Liên Trì đại sư hy vọng chúng ta đọc kinh và nghe giáo đều có thể tiêu quy tự tánh. Trong ấy có vô lượng công đức, chẳng mong chúng ta chỉ chấp trước nơi tướng ngôn ngữ, văn tự. [Chấp trước] như vậy tuy có thể vãng sanh, nhưng phẩm vị rất thấp, sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đối với kinh, chỗ nào cũng đều có thể kiến tánh, xứng lý là kiến tánh, là tiêu quy tự tánh, trong tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, sẽ là thượng thượng phẩm vãng sanh, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Từ chỗ này, ta có thể thấy đại sư rất miệng buốt lòng khuyên bảo người đời sau. “*Do thị Vương lão sư nhi tôn*” (Vẫn là con cháu của Vương lão sư), đây là một công án trong Thiền Tông.

(Diễn) Do thị Vương lão sư nhi tôn giả, Nam Tuyên tánh Vương, thường tự xưng Vương lão sư.

(演)猶是王老師兒孫者，南泉姓王，常自稱王老師。

(Diễn: “Vẫn là con cháu của Vương lão sư”: Ngài Nam Tuyên họ Vương, thường tự xưng là “Vương lão sư”).

Tổ sư Nam Tuyên¹ của Thiền Tông cũng là một người rất lỗi lạc. Họ ngoài đời của Ngài là Vương, nên thường tự xưng là Vương lão sư.

¹ Ngài Nam Tuyên Phổ Nguyên (748-834) là một vị thiền sư hữu danh vào giữa đời Đường. Ngài quê ở Tân Trịnh, Trịnh Châu (nay là trấn Tân Trịnh, huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam), họ Vương. Năm mười tuổi, Sư quỳ gối van nài cha mẹ cho phép xuất gia, cha mẹ đành nhượng bộ cho phép Sư theo học với ngài Đại Huệ Hoài Nhượng. Sư siêng năng, chuyên tinh học đạo, thọ Cụ Túc Giới vào năm Đại Lịch 12 (777) tại

(Diễn) Hoàng Bá chí Nam Tuyền.

(演)黃檗至南泉。

(Diễn: Ngài Hoàng Bá tới chỗ ngài Nam Tuyền).

Trong Thiền Tông, thiền sư Hoàng Bá cũng rất nổi tiếng, đều là những vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài Hoàng Bá là văn bối, thuở trẻ tham học, đến chỗ ngài Nam Tuyền thỉnh giáo.

(Diễn) Nhất nhật trai thời.

(演)一日齋時。

(Diễn: Một hôm, trong lúc thọ trai).

Có một ngày, trong lúc thọ trai vào giữa trưa.

(Diễn) Phủng bát hướng Nam Tuyền vị thượng tọa.

(演)捧鉢向南泉位上坐。

(Diễn: Bưng bát tiến đến ngồi ở chỗ của ngài Nam Tuyền).

Cảnh giới của ngài Hoàng Bá cũng khá cao. Trong lúc thọ trai, Ngài cầm bát đến chỗ của phương trượng Nam Tuyền ngồi xuống. Thuở

chùa Hội Thiện ở Tung Sơn, chuyên học Luật theo truyền thống của luật sư Pháp Lặc. Không lâu sau, tham học các nơi nghe giảng các kinh Lăng Già, Hoa Nghiêm v.v... lại còn thông đạt huyền nghĩa của Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận v.v... Về sau, đến tham yết Mã Tổ Đạo Nhất bèn tỉnh ngộ, được Tổ phó pháp. Năm Trinh Quán 11 (795), Sư sáng lập thiền viện Nam Tuyền ở huyện Thang Trì tỉnh An Huy, tự cày cấy nuôi thân, xiên dương Thiền đạo, hơn ba mươi năm chẳng ra khỏi núi. Mãi đến niên hiệu Thái Hòa đời Đường Văn Tông, do nhận lời cầu thỉnh của thái thú Thang Trì, Tuyên Phủ Sứ Lục Hằng, và Hộ Quân Bành Thành Lưu Công, Sư mới xuống núi thân nhận học trò, thanh danh vang dội, thường được người đương thời xưng tụng là Nam Tuyền Cổ Phật. Có một hôm hai chúng Đông đường và Tây đường tranh luận ồn ào con mèo có Phật tánh hay không, Sư nắm cổ con mèo, bảo đại chúng: “Nếu các ông nói được thì cứu nó. Nếu nói chẳng được, ta sẽ chém chết nó”. Đại chúng không ai đáp được, Sư bèn chém chết con mèo. Vì thế có thành ngữ “*Nam Tuyền trảm miêu*”. Đến tối, ngài Triệu Châu về tới, đại chúng kể lại, phàn nàn: “Sư huynh có nhà thì đã cứu được con mèo rồi”. Ngài Triệu Châu vào gặp Sư, Sư lặp lại câu hỏi, ngài Triệu Châu bèn tháo dép đội lên đầu bước ra. Sư thị tịch vào năm Thái Hòa thứ tám (834), học trò nổi pháp có các vị Triệu Châu Tùng Thẩm, Trường Sa Cảnh Sầm, Tử Hồ Lợi Tung, Đàm Chiếu v.v... hơn mười bảy người.

ấy, ngài Nam Tuyền là phương trượng hòa thượng, Hoàng Bá là thanh chúng.

(Diễn) Nam Tuyền lai kiến tiện vấn.

(演)南泉來見便問。

(Diễn: Ngài Nam Tuyền thấy Sư tiến đến liền hỏi).

Ngài Nam Tuyền trông thấy liền hỏi Sư.

(Diễn) Trưởng lão thậm ma niên trung hành đạo.

(演)長老什麼年中行道。

(Diễn: Trưởng lão đã hành đạo bao nhiêu năm?)

Người thật sự có đạo hạnh trong Thiền Tông, bất luận là người học đã lâu hoặc mới học, trong mắt họ luôn bình đẳng cung kính đối với người đã tu lâu hay mới học. Giống như thuở trước Lục Tổ đại sư ở núi Hoàng Mai, Ngài đã minh tâm kiến tánh, hễ thấy người trẻ mới mười mấy tuổi còn để tóc tu hành trong tự viện đều gọi là “thượng nhân”. Cách xưng hô ấy hết sức cung kính, vô cùng khách sáo. Tự mình khiêm hư, Tổ gọi Sư là trưởng lão: “*Trưởng lão, thậm ma niên trung hành đạo?*” “*Hành đạo*” là tu hành. Câu này có nghĩa là thầy tu hành đã bao lâu?

(Diễn) Bá vân Oai Âm na bạn.

(演)槩云威音那畔。

(Diễn: Ngài Hoàng Bá đáp: “Trước thời Oai Âm Vương Phật”).

Sư trả lời cũng rất tuyệt diệu! Thầy hỏi tôi bắt đầu từ khi nào, tôi nói là trước cả thời Oai Âm Vương Phật, [đó là ý nghĩa của từ ngữ] “*Oai Âm na bạn*”.

(Diễn) Tuyền vân: “Do thị Vương lão sư nhi tôn”.

(演)泉云猶是王老師兒孫。

(Diễn: Ngài Nam Tuyền bảo: “Vẫn là con cháu của Vương lão sư”).

Ngài Nam Tuyền nói: “Vậy thì thầy vẫn chẳng bằng tôi, vẫn là vãn bối của tôi!” Quý vị nghe lời này có hiểu hay không? Hai người họ một hỏi, một đáp, ngụ ý gì vậy? “*Oai Âm na biên cánh na biên*” (Vào trước thời của trước thời Oai Âm Vương Phật), đáng nể quá! Vì sao vẫn chẳng bằng ngài Nam Tuyền? Ý nghĩa thật sự ở đây là ngài Hoàng Bá còn chấp tướng, ngài Nam Tuyền đã chẳng chấp tướng. [Ngài Nam Tuyền bảo] tuy thầy (Hoàng Bá) nói là “*Oai Âm Vương na biên cánh na biên*”, vẫn là chấp tướng! Vẫn y như cũ rót vào trong số lượng, vẫn chưa hoàn toàn trừ sạch vọng tướng, chấp trước. Ngài Nam Tuyền chẳng có vọng tướng, chấp trước; đã chẳng có thì còn nói đến niên đại chi nữa! Một đằng chấp tướng, một đằng ly tướng, chẳng thể sánh bằng! Ý nghĩa là [hễ chấp tướng thì] vẫn là vãn bối, vẫn chẳng thể ngồi ngang hàng với ta!

Ở đây, [Liên Trì đại sư] dùng một tỷ dụ trong Thiên Tông để giảng rõ: Chấp chặt “A Di Đà Phật thành Phật tới nay là mười kiếp” tức là chấp tướng. Hễ chấp tướng, chắc chắn chẳng thể kiến tánh. Là tướng thì mới biết vốn đã thành Phật. A Di Đà Phật vốn đã thành Phật, bản thân chúng ta lẽ nào chẳng vốn đã thành Phật? Tự và Tha chẳng hai. Ý nghĩa thật sự của Liên Trì đại sư là ở chỗ này.

Đoạn nói về hóa chủ A Di Đà Phật đã giới thiệu xong, đoạn kế tiếp sẽ giới thiệu các đại chúng từ mười phương thế giới vãng sanh. Đoạn trước nói A Di Đà Phật là vị thầy trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay chúng ta xem đến [phần nói về] các đồng học bên ấy.

Nhị, hóa bạn. Sơ kiến tại, nhị vãng sanh.

二化伴。初見在，二往生。

(Hai là hóa bạn. Một là các đại chúng đang ở bên ấy, hai là người vãng sanh).

Đoạn kinh văn này được chia thành hai khoa nhỏ. Tiểu khoa thứ nhất là Kiến Tại, tiểu khoa thứ hai là nói về chuyện vãng sanh. Chúng ta xem đoạn thứ nhất:

Sơ, kiến tại. Sơ, Thanh Văn, nhị, Bồ Tát, tam, tổng kết.

初見在。初聲聞，二菩薩，三總結。

([Tiểu khoa] thứ nhất nói về đại chúng đang ở bên ấy. [Tiểu khoa này được chia thành ba mục nhỏ]: Một là Thanh Văn, hai là Bồ Tát, ba là tổng kết).

Trong đoạn thứ nhất có Thanh Văn chúng và Bồ Tát chúng, sau đó còn có tổng kết.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri.

(Sớ) Chủ tất hữu bạn, tiên Thanh Văn, thứ Bồ Tát.

(經)又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。

(疏)主必有伴，先聲聞，次菩薩。

(Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, đều là bậc A La Hán, chẳng thể nào tính toán để biết được.

(Sớ: Chủ ắt có bạn, trước là Thanh Văn, sau là Bồ Tát).

Thầy nhất định có trò. Nếu chẳng có học trò, làm sao có thể gọi vị ấy là thầy cho được? Trong hàng học trò [của A Di Đà Phật] có Thanh Văn và Bồ Tát.

(Sớ) Minh giai hiện thánh chi lữ dã.

(疏)明皆賢聖之侶也。

(Sớ: Nói rõ bạn lữ đều là bậc hiện thánh).

Nói rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là bậc thánh hiền, chẳng có phàm phu. Chư vị nhất định phải biết điều này. Từ đại kinh, chúng ta thấy thế giới Tây Phương là một thế giới thuần nhất Bồ Tát. Nói “trời, người” hoặc nói Thanh Văn là nhằm vào ý nghĩa khác, chẳng phải là thật sự có trời, người, Thanh Văn. Gọi họ là Thanh Văn là do hai ý nghĩa:

1) Ý nghĩa thứ nhất: Trước khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở thế giới phương khác, những người ấy đã chứng quả Thanh Văn, từ Sơ Quả cho đến Tứ Quả đều có. Họ nghe pháp môn này, hoan hỷ tin nhận, phát nguyện vãng sanh. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì trước kia họ là Thanh Văn, nên vẫn gọi là Thanh Văn. Đây là một ý nghĩa.

2) Ý nghĩa thứ hai: Tuy thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, nhưng đoạn Hoặc chẳng bình đẳng. Nếu ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng Trần Sa và Vô Minh vẫn chưa đoạn, người ấy bèn được gọi là Thanh Văn, vì quả vị đoạn chứng của người ấy bằng với quả vị Tiểu Thừa trong mười phương thế giới. Trong mười phương thế giới, đoạn Kiến Tư phiền não bèn chứng quả Thanh Văn. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như chúng ta là đời nghiệp vãng sanh, sang bên ấy, đương nhiên là trước hết đoạn Kiến Tư. Đoạn Kiến Tư phiền não sẽ bằng với Thanh Văn ở các thế giới phương khác.

Ngàn vạn phần phải ghi nhớ, trong thế giới Tây Phương, ngay cả Thanh Văn và Duyên Giác đều chẳng có, lấy đâu ra nhân thiên?

(Sớ) Kim sơ Thanh Văn. Thanh Văn giả, văn Tứ Đế thanh giáo nhi đắc chứng quả. A La Hán giả, giản phi tiền tam dã. Bất ngôn Duyên Giác, nhiếp Thanh Văn trung cố. Phi toán số giả, thậm ngôn kỳ đa dã.

(疏)今初聲聞。聲聞者，聞四諦聲教而得證果。阿羅漢者，揀非前三也。不言緣覺，攝聲聞中故。非算數者，甚言其多也。

(Sớ: Nay trước hết nói về Thanh Văn. Thanh Văn là người nghe thanh giáo Tứ Đế bèn được chứng quả. [Nói là] A La Hán nhằm chỉ rõ chẳng phải là ba quả vị trước đó. Chẳng nhắc tới Duyên Giác vì đã được gộp trong Thanh Văn. “Chẳng thể tính toán”, ý nói hết sức nhiều).

Những chuyện này chẳng cần phải nói chi tiết. Chúng ta xem đoạn Diễn Nghĩa kế tiếp, có thể nói đoạn này là thường thức trong Phật học.

(Diễn) Tứ Đế thanh giáo giả.

(演)四諦聲教者。

(Diễn: Thanh giáo² Tứ Đế).

² Thanh giáo: Giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật được gọi là “*thanh giáo*” vì Ngài dùng âm thanh để thuyết pháp hóa độ, gọi như vậy để phân biệt với các phương pháp hóa độ khác (chẳng hạn trong cõi Hương Tích, dùng cơm thơm để hóa độ).

Là nói tới Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

(Diễn) Nhất, Khổ Đế.

(演)一、苦諦。

(Diễn: Một là Khổ Đế).

“Đế” (Satyāni) có nghĩa là chân thật, người ta thường nói là “chân lý”, tức là chuyện chân thật. Khổ là nói tới quả báo. Lục đạo khổ sở, đó là sự thật. Phàm nhân sống trong đau khổ mà chẳng biết khổ, đó là ngu si. Nói “giác ngộ” nghĩa là đã biết con người rất khổ, biết lục đạo rất khổ, có mức độ tự giác khá sâu. Biết lục đạo khổ, người ấy mới chịu phát tâm rời lìa lục đạo. Nếu ở trong lục đạo mà vẫn chẳng cảm nhận nỗi khổ, làm sao có thể lìa khỏi lục đạo cho được? Mê và giác phân định từ chỗ này. Biết đời người là khổ, biết lục đạo là khổ, người ấy đã giác ngộ, đã khai ngộ.

(Diễn) Nhị thập ngũ Hữu, y chánh nhị báo thị.

(演)二十五有，依正二報是。

(Diễn: Hai mươi lăm Hữu là y báo và chánh báo).

Sách Giáo Thừa Pháp Số và Phật Học Từ Điển đều giải thích hai mươi lăm Hữu³. Hữu (有) là có quả báo sanh tử. Có nhân thì đương nhiên có quả. Đức Phật chia nhân và quả của lục đạo luân hồi thành hai mươi lăm loại, gọi là Nhị Thập Ngũ Hữu. Hai mươi lăm Hữu tương ứng với tam giới lục đạo. “Y chánh nhị báo” là nói tổng quát.

(Diễn) Biệt tắc nhị thập ngũ Hữu, tổng tắc lục đạo sanh tử.

(演)別則二十五有，總則六道生死。

(Diễn: Nói riêng biệt thì có hai mươi lăm Hữu, nói tổng quát thì có sanh tử trong lục đạo).

³ Theo Phật Học Từ Điển: Dục Giới có mười bốn Hữu (địa ngục, nga quỷ, súc sanh, Tu La, tứ đại châu, sáu tầng trời trong cõi Dục), Sắc Giới có bảy Hữu (Tứ Thiên Thiên, Đại Phạm Thiên, Tịnh Cư Thiên, và Vô Tướng Thiên), Vô Sắc Giới có bốn Hữu (Tứ Không Xứ Thiên). Tổng cộng là hai mươi lăm Hữu. Như vậy, hai mươi lăm hữu chỉ là tam giới được nói chi tiết.

Hai mươi lăm Hữu chẳng thường được nhắc tới vì rất phiền phức, quá nhiều! Chúng ta thường quy nạp, nói đến cương lĩnh của chúng. Cương lĩnh chính là y báo và chánh báo trong lục đạo.

(Diễn) Nhất, địa ngục đạo, tác thượng phẩm Ngũ Nghịch, Thập Ác giả, cảm thử đạo thân.

(演)一、地獄道，作上品五逆十惡者，感此道身。

(Diễn: Một là địa ngục đạo, kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác thượng phẩm sẽ cảm vờn thân trong đường này).

Tạo nghiệp nặng hay nhẹ là do tâm! Ví như tạo ác nghiệp, tâm kẻ ấy rất hung hăng, quyết liệt, sẽ tạo nghiệp nặng. Chẳng hạn như sát sanh, do cái tâm oán hận, tâm cừu hận cực sâu, thủ đoạn vô cùng tàn khốc, tội ấy sẽ nặng nề, kết tội thuộc loại thượng phẩm. Ngũ Nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Nếu kẻ ấy dùng ác tâm, ác ý, tội ấy cũng rất nặng. Thập Ác: Thân tạo giết, trộm, dâm; miệng nói dối, nói dối chiều, nói thêu dệt, nói lời thô ác; trong tâm tham, sân, si. Bất luận là đối với pháp thế gian hay xuất thế gian pháp, chỉ cần có Thập Ác hiện diện, thấy đều là chướng đạo! Vì sao chúng ta niệm Phật chẳng thể đắc nhất tâm bất loạn? Vì sao tham Thiền chẳng thể khai ngộ? Đừng nói là khai ngộ, ngay cả Thiền Định còn chẳng đạt được, do nguyên nhân nào? Tập khí Thập Ác quá nặng, chướng ngại chúng ta tu hành, chướng ngại công phu, chớ nên không biết chuyện này! Nếu cứ tiếp tục làm mãi, sẽ tạo [thành quả báo] địa ngục. Địa ngục do đâu mà có? Chính mình tạo ra, tự làm, tự chịu, ai cũng chẳng có cách nào cứu quý vị. Ngàn muôn phần đừng nghĩ Địa Tạng Bồ Tát là U Minh giáo chủ, trong tương lai ta đọa địa ngục, Địa Tạng Bồ Tát sẽ đến cứu quý vị. Có tâm như vậy thì sai mất rồi, Địa Tạng Bồ Tát cũng không thể nào cứu quý vị được! Địa Tạng Bồ Tát có thể cứu kẻ nào đã giác ngộ. Bản thân người ấy đã giác ngộ thì Ngài có thể giúp đỡ. Chính quý vị chẳng giác ngộ, Phật, Bồ Tát chẳng thể giúp được, tuyệt đối chẳng phải là các Ngài thiếu từ bi!

(Diễn) Nhị, súc sanh đạo, tác trung phẩm Ác Nghịch giả, cảm thử đạo thân.

(演)二、畜生道，作中品惡逆者，感此道身。

(Diễn: Hai là súc sanh đạo. Kẻ tạo Ác Nghịch trung phẩm sẽ cảm vờn thân trong đường này).

Ác là Thập Ác, Nghịch là Ngũ Nghịch. Tâm tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác nhẹ hơn địa ngục đôi chút, chẳng độc địa dường ấy, sẽ sanh trong súc sanh đạo.

(Diễn) Tam, ngạ quỷ đạo, tác hạ phẩm Ác Nghịch giả, cảm thử đạo thân.

(演)三、餓鬼道、作下品惡逆者、感此道身。

(Diễn: Ba là ngạ quỷ đạo, kẻ tạo Ác Nghịch hạ phẩm, sẽ cảm thân trong đường này).

Hạ phẩm, tâm tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác càng nhẹ hơn. Trong đoạn này, sách Diễn Nghĩa sử dụng Thập Thiện và Thập Ác để giải thích lục đạo luân hồi.

(Diễn) Tứ, Tu La đạo, tác hạ phẩm Thập Thiện, cảm thử đạo thân.

(演)四、修羅道、作下品十善、感此道身。

(Diễn: Bốn là Tu La đạo, tạo hạ phẩm Thập Thiện, cảm thân trong đường này).

Người ấy có tu Thập Thiện hay không? Tu Thập Thiện. Vì sao tu Thập Thiện được gọi là hạ phẩm? Khi tu Thập Thiện, trong tâm chen lẫn ngạo mạn, thường gọi là “*cống cao ngã mạn*”. Người như vậy chúng ta thường thấy trong hiện thời. Họ thật sự làm chuyện tốt; tuy làm chuyện tốt, nhưng luôn nghĩ chính mình đã làm rất nhiều chuyện tốt. Trong chùa chiền, họ ganh nhau làm chuyện tốt. Ví như đối với chuyện xuất tiền làm công đức, người khác bỏ ra một vạn, ta bỏ ra hai vạn, ta phải vượt trội kẻ khác. Đó là tâm ngạo mạn, tâm kiêu căng, đều là hạ phẩm thiện, tương lai hưởng phước trong A Tu La đạo. Điều này rất đau khổ! A Tu La là đấu tranh kiên cố. Không chỉ là đấu đá với người ngoài, mà đối với chính mình cũng muốn đấu đá!

(Diễn) Ngũ, nhân đạo, tứ châu bát đồng, giai khổ lạc tương gián. Tại nhân chi thời, hành Ngũ Thường, Ngũ Giới, cập trung phẩm Thập Thiện, cảm thử đạo thân.

(演)五、人道，四洲不同，皆苦樂相間。在因之時，行五常五戒，及中品十善，感此道身。

(Diễn: Năm là nhân đạo, [tuy có] bốn châu khác nhau, đều là khổ và vui chen lẫn. Trong lúc tu nhân, đã hành Ngũ Thường, Ngũ Giới và trung phẩm Thập Thiện, nên cảm thân trong đường này).

Tứ Châu là nói tới tứ đại bộ châu ở bốn phía núi Tu Di. Loài người trong mỗi châu khác nhau, nhưng nhân quả chẳng sai biệt cho mấy. “*Giai khổ lạc tương gián*” (Đều là khổ và vui chen lẫn), có khổ và vui. Trong quá khứ, tu nhân là hành Ngũ Thường, Ngũ Giới. Ngũ Thường do Nho gia chế định. Giáo dục Nho gia lấy luân thường làm chủ yếu, đó là tông chỉ giáo học. “*Luân*” (倫) là luân lý, “*Thường*” (常) là khuôn phép đạo đức. Nói cách khác, [luân thường là] điều kiện cơ bản để làm người: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là Ngũ Thường. “*Thường*” là vĩnh hằng, quyết định chẳng thể biến đổi, quyết định chẳng thể khuyết thiếu, giống như loài người chúng ta sống trong thế gian nhất định phải ăn uống. Chẳng ăn, chẳng uống, con người sẽ chẳng thể nào sống sót. Sách Tả Truyện viết: “*Nhân khí thường, tắc yêu hưng*” (Con người vút bỏ lễ thường, ắt yêu quái dậy lên). Nếu người nào chẳng có Ngũ Thường, kẻ ấy chính là yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái chẳng phải là mặt xanh nanh chĩa. Yêu ma quỷ quái mặt xanh nanh chĩa chẳng thể hại người. Vì sao? Chúng ta vừa trông thấy đã kinh hãi, đã sớm ần núp rồi, họ chẳng hại được loài người. Yêu ma quỷ quái thật sự hại người, quý vị trông thấy chúng sẽ rất hoan hỷ! Năm thứ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thấy đều chẳng có, chính là yêu ma quỷ quái hiện tiền.

Ngũ Thường và Ngũ Giới nhà Phật giống nhau. “*Nhân*” (仁) là nhân từ, là không sát sanh; Nghĩa (義) là những điều phải nên có, là bổn phận. Một người có thể vâng giữ bổn phận sẽ chẳng thể trộm cắp, Nghĩa là chẳng trộm cắp. Lễ (禮) là chẳng tà dâm; Trí (禮) là chẳng uống rượu. Uống rượu say khướt bèn hồ đồ. Tín (信) là chẳng nói dối. Ngũ Giới tương đương Ngũ Thường, là điều kiện cơ bản để làm người. Nếu chẳng làm được năm điều này, đời sau chẳng được làm thân người, mà vào trong tam đồ. Những điều chúng ta tạo tác, thực hiện trong hiện thời đương nhiên chẳng ra ngoài lục đạo. Trong lục đạo, chúng ta tạo tác ba thiện đạo hay là ba ác đạo? Chẳng cần phải hỏi ai khác, chính mình biết

rành rành! Nếu khởi tâm động niệm trái nghịch Ngũ Giới Thập Thiện, ắt đọa trong tam đồ. Đức Phật rất từ bi, dạy chúng ta sự thật này, chúng ta chẳng nghe theo, vẫn cứ muốn tiếp tục tạo tác. Chuyện này chẳng thể trách Phật, hãy tự trách mình! Chính mình phải gánh chịu trách nhiệm!

“*Cập trung phẩm Thập Thiện*” (Và trung phẩm Thập Thiện), một người có thể vâng giữ Ngũ Thường, trì Ngũ Giới, tu trung phẩm Thập Thiện, đời sau mới có thể được làm thân người. Thân người khó được, dễ mất! Nay chúng ta được làm thân người là do trong đời quá khứ “*hành Ngũ Thường, Ngũ Giới, tu trung phẩm Thập Thiện*”, đời này cảm được quả báo. Nếu đời này chẳng tiếp tục nỗ lực hành trì, đời người rất ngắn, sau khi đã mất [thân người], mong được làm người lần nữa cũng chẳng được! Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã dạy: “*Thân người khó được mà dễ mất*”. Vì sao khó được? Chính chúng ta hãy lắng lòng suy nghĩ: Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối, từ đầu năm đến cuối năm, khởi ác niệm nhiều, hay là thiện niệm nhiều? Bèn hiểu rõ ngay! Nếu ác niệm nhiều, niệm niệm trái nghịch Ngũ Thường, Ngũ Giới, Thập Thiện, đương nhiên sẽ vào trong tam đồ, há còn có thể sanh vào nhân đạo? Vì thế, hãy suy nghĩ, [sẽ thấy] được làm thân người lần nữa đích xác là chẳng dễ dàng.

(Diễn) Lục, thiên đạo, nhị thập bát thiên bất đồng.

(演)六、天道，二十八天不同。

(Diễn: Sáu là thiên đạo, hai mươi tám tầng trời khác nhau).

Cõi trời có hai mươi tám loại, gồm hai mươi tám tầng. Quả báo trong mỗi tầng trời khác nhau, đương nhiên nhân hạnh của họ cũng khác nhau.

(Diễn) Tu thượng phẩm Thập Thiện, cập Thiên Định vi nhân, cảm thứ đạo thân.

(演)修上品十善，及禪定為因，感此道身。

(Diễn: Do tu thượng phẩm Thập Thiện và Thiên Định làm nhân mà cảm thân trong đường này).

Chỉ tu thượng phẩm Thập Thiện thì cao nhất là chỉ có thể sanh về trời Đao Lợi. Từ Dạ Ma Thiên trở lên đều phải tu Thiên Định, chẳng có Thiên Định sẽ chẳng đến đó được! Trong Dục Giới, bốn tầng trời Dạ Ma

Thiền, Đầu Suất Thiền, Hóa Lạc Thiền và Tha Hóa Tự Tại Thiền đều chưa đắc Định. Chẳng tu Thiền Định thành công, họ có công phu Thiền Định, nhưng chẳng có thành tựu nơi Thiền Định. Nếu Thiền Định thành tựu, họ sẽ thoát khỏi Dục Giới, sanh về Sắc Giới. [Sanh lên] Sắc Giới và Vô Sắc Giới [phải cạy vào] Tứ Thiền Bát Định. Thành tựu thấp nhất trong Thiền Định là gì? Trong Thiền Định chẳng có dục, dục vọng gì vậy? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tiếng tăm, lợi dưỡng, quý vị còn có những ý niệm ấy hay không? Nếu có những ý niệm ấy, quý vị chẳng thể đến Sơ Thiền Thiên được. Dầu quý vị tu Thiền Định tốt đẹp cách mấy, vẫn sanh trong bốn tầng trời Dục Giới, thọ quả báo trong ấy. Thật sự tu Thiền Định thành công, đoạn hết Ngũ Dục, đối với năm thứ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều có thể đoạn hết, có thể chẳng cần ăn uống, Thiền duyệt làm thức ăn. Nay chúng ta vì cơm áo mà bươn chải, khổ khôn kể xiết! Thiền Định thành công, chẳng cần tới ăn uống nữa! Vì thế, người có công phu Thiền Định càng sâu, ăn uống càng ít, vì sao? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh bèn tiêu hao năng lượng ít.

Ăn uống nhằm bổ sung năng lượng, [thức ăn] là cội nguồn của năng lượng. Thân là một cỗ máy, cỗ máy hoạt động cần phải có năng lượng thúc đẩy. Ăn uống là [nạp thêm] năng lượng, bổ sung hằng ngày. Ăn thứ gì đó, trong bụng bèn có các phản ứng hóa học, biến chúng thành năng lượng để hấp thụ, chúng ta gọi là dinh dưỡng, thật ra là năng lượng. Các năng lượng bị tiêu hao vào đâu? Chín mươi lăm phần trăm trở lên bị tiêu hao bởi vọng niệm. Vọng niệm càng nhiều, quý vị ăn càng nhiều. Vọng niệm ít, quý vị ăn ít đi. Có những người muốn học kiểu “giữa trưa ăn một bữa”, muốn trì ngộ, nhưng vọng niệm rất nhiều, vọng niệm chẳng đoạn được, lại muốn học, học để làm gì? Vẫn là vì tiếng tăm, lợi dưỡng, muốn nở mày rạng mặt: “Ta giữa trưa ăn một bữa, các người đều chẳng làm được!” Họ tiêu hao nhiều như vậy, bổ sung năng lượng chẳng đủ, kết quả nhất định là ngã bệnh, chẳng bình thường mà! Người ta tu Định thật sự có công phu, tâm địa thanh tịnh, vọng niệm ít, tự nhiên cần [bổ sung năng lượng] ít. Do đó, đây là chuyện tự nhiên, chẳng có tí ti miễn cưỡng nào!

Thuở Phật tại thế, những vị xuất gia hằng ngày theo Phật ra ngoài thác bát (khất thực), mỗi ngày ăn một bữa. Trong kinh, đức Phật có nói A La Hán bảy ngày ăn một bữa, Bích Chi Phật nửa tháng ăn một bữa. Công phu định lực của Bích Chi Phật sâu hơn A La Hán, tâm địa càng thanh tịnh, tiêu hao càng ít, nửa tháng ăn một bữa là đủ. Đó là gì? Vì Ngài có thân thể. Nếu chẳng cần đến thân, cũng chẳng cần ăn uống nữa.

Vì thế, trong hai mươi tám tầng trời, sáu tầng trời phía dưới thuộc Dục Giới Thiên có ăn uống, từ Sơ Thiên trở lên bèn chẳng có ăn uống. Đoạn hết ăn uống, ngủ nghê cũng đoạn trừ. Người thật sự có Thiên Định chẳng ngủ. Người có ngủ nghê chứng tỏ là người ấy chẳng có Định. Ngồi ngủ ở đó tức là chẳng Định, người có Thiên Định chẳng ngồi ngủ ở đó mà đang nhập Định, khác hẳn kẻ [ngồi] ngủ. Cũng có thể nói là người ấy tỉnh táo, chẳng hôn trầm. Ngủ nghê là hôn trầm.

Nhưng từ Sắc Giới trở lên, [tức là trong] Sắc Giới và Vô Sắc Giới, từ Sơ Thiên trở lên, ngoài việc tu Thiên Định (Tứ Thiên Bát Định) ra, còn phải tu Tứ Vô Lượng Tâm (Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả), đó gọi là thượng thượng phẩm Thập Thiện. Vì lẽ đó, người từ Sơ Thiên trở lên, quyết định chẳng có sân khuể, ghen tỵ, quyết định chẳng có điều gì khiến cho tâm bực bội. Nếu có những hiện tượng ấy, sẽ thuộc về Dục Giới, chứ chư thiên Sắc Giới chẳng có [những hiện tượng ấy]. Chúng ta cần phải biết những điều này, có thể chú tâm quan sát xem chính mình đã đạt đến cảnh giới gì. Tâm địa hơi đạt được đôi chút thanh tịnh, bèn tưởng lầm là chính mình đã đắc nhất tâm bất loạn, đã đắc Thiên Định, đó gọi là Tăng Thượng Mạn, là hiểu lầm, chẳng phải là thành tựu thật sự.

(Diễn) Thượng lai sở thích.

(演)上來所釋。

(Diễn: Những điều đã giải thích trên đây).

Những điều vừa được giải thích trên đây.

(Diễn) Tàng địa ngục chí Phi Tưởng Thiên.

(演)從地獄至非想天。

(Diễn: Từ địa ngục tới trời Phi Tưởng).

Phi Tưởng Thiên là tầng thứ hai mươi tám, là tầng cao nhất trong Tứ Không Thiên.

(Diễn) Tuy khổ lạc bất đồng, vị miễn tử nhi phục sanh, sanh nhi phục tử.

(演)雖苦樂不同，未免死而復生，生而復死。

(Diễn: Tuy khổ vui khác nhau, chẳng tránh khỏi tử rồi lại sanh, sanh rồi lại tử).

Nói về lục đạo, đầu tu đạt đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, thọ mạng tám vạn đại kiếp, tám vạn đại kiếp là có hạn lượng, khi đã đến hạn thì vẫn phải luân hồi, vẫn phải đọa lạc, lại còn đọa rất nặng. Nguyên nhân đọa lạc nặng nề là do lúc gần bị đọa lạc, họ hủy báng Tam Bảo, tưởng là Phật đã lừa gạt, chẳng biết cảnh giới của chính mình là chưa thoát khỏi tam giới, cứ ngỡ cảnh giới của chính mình là đã nhập Vô Du Niết Bàn, đã thành Phật, [nên ám ức]: “Cớ sao đã thành Phật mà còn bị thoái chuyển? Cớ sao bị đọa lạc? Những gì chư Phật đã nói trước kia đều là lừa người!” Vì báng Phật, báng Pháp, hủy báng Tam Bảo, nên quyết định đọa địa ngục; đó gọi là “trèo cao ngã nặng”. Hễ té nhào liền rớt xuống địa ngục. Trong địa ngục, quá nửa là những chúng sanh như vậy!

(Diễn) Thử thị Tạng Giáo thật hữu Khổ Đé.

(演)此是藏教實有苦諦。

(Diễn: Đây là Tạng Giáo thật sự có Khổ Đé).

Tứ Đé phối hợp với tứ giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Lục đạo phạm phu chúng ta nhận thức Tạng Giáo. Trong quan niệm cảm xúc lâu dài của chúng ta, xác thực là có lục đạo luân hồi. Những điều được giảng trong đoạn này đều là nói về quả báo.

(Diễn) Nhị, Tập Đé giả.

(演)二、集諦者。

(Diễn: Hai là Tập Đé).

“Tập Đé” là nói tới cái nhân. Quý vị hứng chịu quả báo, có quả ắt có nhân. Vì sao đức Phật chẳng nói tới nhân trước, mà phải nói quả báo trước? Đây là thuyết pháp thiện xảo, vì nói tới quả báo, đó chính là những điều quý vị đang phải hứng chịu, quý vị sẽ cảm nhận dễ dàng, có thể thấu hiểu. Sau đây mới lại giải thích do nguyên nhân nào mà nay chúng ta sống khổ sở dường ấy, quý vị sẽ lưu ý nghe dạy.

(Diễn) Tứ Kiến Tư Hoặc, hựu vân Tứ Trụ, hựu vân Chi Mạt Vô Minh, hựu vân Thông Hoặc, hựu vân Giới Nội Hoặc, tuy danh bất đồng, dẫn Kiến Tư nhĩ.

(演)即見思惑，又云四住，又云枝末無明，又云通惑，又云界內惑，雖名不同，但見思耳。

(Diễn: Chính là Kiến Tư Hoặc, còn gọi là Tứ Trụ, lại gọi là Chi Mạt Vô Minh, lại gọi là Thông Hoặc, lại gọi là Giới Nội Hoặc. Tuy tên gọi khác nhau, nhưng chỉ là Kiến và Tư mà thôi).

Đối với Kiến Tư phiền não, trong kinh, đức Phật đã nói rất nhiều danh từ. Danh từ khác nhau, ý nghĩa như nhau. Vì sao cùng là một chuyện mà đức Phật nói ra lắm tên gọi như vậy? Điều này là có dụng ý, đức Phật dạy chúng ta chớ nên chấp trước tướng danh tự, đừng nên chấp trước tướng ngôn thuyết. Đó gọi là “*y nghĩa, bất y ngữ*”. Tên gọi nói tùy tiện như thế nào cũng được, chỉ cần hiểu đúng ý nghĩa là được rồi, đừng nên chấp trước danh tướng rồi tranh luận! Vì lẽ đó, cách nói này vẫn là nhằm mục đích phá chấp trước. Trong các danh từ, chúng ta thường dùng nhất là Kiến Tư phiền não. Quý vị hiểu Kiến Tư phiền não là gì. Tiếp đó, [các danh từ] Tứ Trụ Phiền Não, Chi Mạt Vô Minh, Thông Hoặc, Giới Nội Hoặc như sách đã nêu ra đều là những thứ mê hoặc trong tam giới, quý vị đều hiểu rõ. Biết một điều, hết thấy đều hiểu.

(Diễn) Kiến Hoặc hựu bát thập bát Sứ.

(演)見惑有八十八使。

(Diễn: Kiến Hoặc có tám mươi tám Sứ).

Kiến Hoặc có tám mươi tám Sứ⁴, còn gọi là tám mươi tám phẩm. Tư Hoặc có tám mươi một phẩm⁵, tức là tam giới có chín địa, trong mỗi

⁴ Theo Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập Chú, tám mươi tám món Sứ là do phối hợp Thập Sứ với Tứ Đế và tam giới mà thành. Đối với Dục Giới, Khổ Đế có đủ mười Sứ, Tập Đế và Diệt Đế mỗi Đế có bảy Sứ (tức là không có Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến), Đạo Đế có tám Sứ (tức là không có Thân Kiến và Biên Kiến). Do đó, Tứ Đế trong Dục Giới hợp thành ba mươi hai Sứ. Sắc Giới và Vô Sắc Giới số lượng mỗi Sứ giống như trong Dục Giới nhưng loại trừ Sân Sứ. Do đó, mỗi giới có hai mươi tám Sứ. Vì thế, Vô Sắc Giới và Sắc Giới có tất cả năm mươi sáu Sứ cộng với ba mươi hai Sứ của Dục Giới thành tám mươi tám Sứ trong tam giới.

địa có chín phẩm, tổng cộng là chín lần chín thành tám mươi một. Chúng được gọi là Kiến Tư phiền não. Tập Đế là Kiến Tư phiền não.

(Diễn) Dĩ Ngũ Độn, Ngũ Lợi, Thập Sử.

(演)以五鈍五利十使。

(Diễn: Do Ngũ Độn và Ngũ Lợi mà hợp thành Thập Sử).

“Sử” (使) là tử dụ. Trước kia, có kẻ phạm tội, chánh quyền bèn phái công sai đi bắt người. “Sử” là bắt người, giống như đội cảnh sát hình sự hiện thời. Chư vị hãy suy nghĩ, “đội cảnh sát hình sự” Kiến Hoặc gồm tám mươi tám “người”, Tư Hoặc có tám mươi một. Cảnh sát hình sự đông ngàn ấy, hằng ngày châu chực quanh quý vị, muốn bắt quý vị, quý vị còn có thể chạy đi đâu nữa? Chẳng có cách nào, chạy chẳng thoát! Nhằm thuận tiện thuyết pháp, chúng ta quy nạp những món ấy thành Ngũ Độn Sử và Ngũ Lợi Sử. Chỉ cần hiểu rõ mười điều ấy, đại khái có thể liễu giải tám mươi tám phẩm [Kiến Hoặc] và tám mươi một phẩm [Tư Hoặc].

Ngũ Lợi: Lợi (利) là nhạy bén, mạnh mẽ. Tuy mạnh mẽ, nhạy bén, nhưng nếu đoạn trừ chúng thì thật sự vẫn là khá dễ dàng, đó là nói về Kiến Hoặc. Món thứ nhất trong Kiến Hoặc là Thân Kiến, món thứ hai là Biên Kiến, món thứ ba là Giới Thủ Kiến, món thứ tư là Kiến Thủ Kiến, món thứ năm là Tà Kiến. Nói chung, nay chúng ta gọi năm loại lớn này là kiến giải sai lầm. Kiến (見) là kiến giải, Hoặc (惑) là mê hoặc. Kiến giải của quý vị sai lầm, kiến giải đã mê. Có năm loại lớn như vậy.

Tư Hoặc: Tư (思) là tư tưởng, quý vị nghĩ sai lầm, tư tưởng đã mê hoặc. Mê hoặc về tư tưởng cũng có năm thứ: Tham, sân, si, mạn, nghi. Gộp chung lại thành mười loại, tức là Ngũ Độn và Ngũ Lợi hợp thành Thập Sử. Ngũ Độn là Tư Hoặc, Ngũ Lợi là Kiến Hoặc.

⁵ Cũng theo Thiên Thai Tứ Giáo Nghi Tập Chú, coi Dục Giới là một địa, coi từ Sơ Thiên đến Tứ Thiên của Sắc Giới là bốn địa, coi bốn Không Xứ Thiên của Vô Sắc Giới là bốn địa. Do vậy, tam giới có tổng cộng chín địa. Đối với Tư Hoặc (tham, sân, si, mạn), Dục Giới có đủ chín phẩm (thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ thượng, hạ trung, hạ hạ), tám địa của Sắc Giới và Vô Sắc Giới, mỗi địa cũng đều có đủ chín phẩm, nên chín địa nhân với chín phẩm thành tám mươi một phẩm.

Lũ phàm nhân chúng ta luôn ngỡ thân thể này là chính mình, đó gọi là Thân Kiến (身見), nó là cội nguồn tội ác của hết thảy họa hoạn. Tiêu chuẩn thiện ác ở chỗ nào? Đức Phật dạy: Phàm những gì tự lợi đều là ác, phàm những gì lợi tha đều là thiện. Chúng ta thường nghe chẳng hiểu, chuyện tốt đẹp cho chính mình, có lợi ích cho chính mình, có sao nói là ác? Chư vị hãy suy nghĩ, sẽ hiểu rõ Kiến Tư phiền não, sẽ có thể cảm nhận: Hễ là tự lợi, sẽ tăng trưởng Ngã Kiến, ta phải phá trừ! Phải phá Thân Kiến, phá Ngã Chấp. Hằng ngày quý vị tăng trưởng Ngã Chấp và Thân Kiến, ý niệm hễ dấy lên bèn nghĩ đến ta. Nói thật thà, hết thảy các sự tu học của chúng ta đều chẳng tăng trưởng nhanh chóng dường ấy, kiên cố ngàn ấy! Khởi tâm động niệm chẳng có gì khác, đầu tiên là Ngã. Quý vị nói Ngã Chấp kiên cố quá, làm sao có thể thoát khỏi tam giới? Nếu quý vị muốn thoát khỏi tam giới, phải phá Ngã Chấp. Đức Phật đã nói Nhân Ngã Chấp và Pháp Ngã Chấp. Phá Nhân Ngã Chấp bèn chứng quả La Hán và Bích Chi Phật. Phá Pháp Ngã Chấp bèn chứng Bồ Tát, thành Phật. Vì thế, chẳng dễ gì phá tan Ngã Chấp. Hễ khởi tâm động thì niệm đầu tiên là nghĩ đến chính mình, có mấy ai quên đi cái Ta? Do đó, trong pháp Bồ Tát, điều thứ nhất là tu bố thí, bố thí nhằm dụng ý gì? Hy vọng sẽ quên mất cái Ta. Bố thí là niệm niệm nghĩ tới người khác, chẳng nghĩ tới mình! Lợi ích ấy vô lượng vô biên, có thể khiến cho quý vị vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, thật sự liễu sanh tử, thoát tam giới! Há có phải là bố thí một chút tài vật để đạt được một tí phước báo nhân thiên hữu lậu! Chẳng phải là ý nghĩa ấy! Bố thí nhằm mục đích phá trừ Ngã Kiến, trừ bỏ Ngã Chấp. Đức Phật dạy Bồ Tát niệm niệm đừng nghĩ tới chính mình, niệm niệm hãy nghĩ tới chúng sanh. Phương pháp này đích xác là cao hơn, khéo hơn Tiểu Thừa. Tiểu Thừa phá Ngã Chấp vô cùng khó khăn, phương pháp của họ rất vụng về! Phương pháp của hàng Đại Thừa Bồ Tát thiện xảo, khởi tâm động niệm đều chẳng nghĩ tới chính mình, niệm niệm mong làm thế nào để lợi ích hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh được lợi ích thì chính mình là một chúng sanh, đương nhiên cũng sẽ được lợi ích. Vì vậy, Ngài chẳng nghĩ cho chính mình. Đó là phương tiện tu học thiện xảo của Đại Thừa Bồ Tát. Vì thế, đầu tiên là phá Thân Kiến. Thân Kiến họa hoạn vô cùng! Không chỉ là đối với chuyện liễu sanh tử, mà đối với niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, nó cũng là chướng ngại to lớn bậc nhất. Chỉ cần có thứ này tồn tại, rất khó vãng sanh.

Thứ hai là Biên Kiến (邊見). Biên Kiến là kiến giải sai lầm. Biên Kiến là gì? Lục đạo phàm phu ai nấy đều có, các khoa học gia hiện thời

gọi [Biên Kiến] là “quan niệm tương đối”. Tương đối là hai bên. Chúng ta nói đến ta, thì đối lập với ta là người khác, đều là do tương đối mà kiến lập. Có dài thì đối lập với dài là ngắn. Có lớn thì đối lập với lớn là nhỏ. Đối lập với thiện là ác. Đây là Nhị Biên. Quý vị có kiến giải nhị biên, kiến giải nhị biên chẳng thật. Kiến giải nhị biên là mê, chẳng ngộ! Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói: Nhị biên là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị. Có nhị biên, tâm quý vị làm sao thanh tịnh cho được? Nói cách khác, quyết định chẳng đắc Thiền Định. Nếu quý vị muốn thật sự đắc Thiền Định, người niệm Phật chúng ta muốn thật sự đắc tâm thanh tịnh, đắc công phu thành thiền, ắt phải vứt bỏ Nhị Biên.

Chúng ta thấy Đàn Kinh có chép Huệ Minh truy đuổi Lục Tổ để đoạt lấy y bát. Cuối cùng, Tổ bị Sư đuổi kịp, y bát thật sự có thần hộ pháp hộ trì. Sư vốn là tứ phẩm tướng quân, nghiêm nhiên chẳng thể lay động y bát, nên mới thật sự sanh tâm hổ thẹn, hiểu là sức người chẳng thể đoạt lấy vật ấy được. Sư hướng về Huệ Năng cầu pháp, Huệ Năng dạy Sư: “*Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác*”. Thiện và ác là Nhị Biên, Biên Kiến đây! Quý vị buông Nhị Biên xuống, hai bên đều vứt bỏ. Khi ấy, Tổ chỉ điểm một câu: “*Chính ngay khi ấy, diện mạo vốn có của thượng tọa Huệ Minh là gì?*” Do câu nói ấy, Sư liền khai ngộ. Vì sao chúng ta không thể khai ngộ? Chẳng bỏ Nhị Biên. Khi đó, Sư chí thành, cung kính, tâm thật sự sám hối, do tâm cung kính, thầy dạy như thế nào, Sư liền làm như thế ấy. Sau khi đã bỏ hai bên, được chỉ điểm bằng một câu nói liền tỉnh ngộ. Nói thật ra, mê và ngộ là trong một niệm! Vì sao hiện thời chúng ta được chỉ điểm cách nào cũng đều chẳng tỉnh, chẳng thể khai ngộ? Là do quý vị chưa từng có sát-na nào lìa khỏi hai bên! Các khoa học gia Tây phương nói chúng ta sống trong thế giới tương đối. Phật pháp gọi thế giới tương đối là Biên Kiến.

Người Hoa gọi hai thứ Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến là thành kiến, [ta thường nói] “người nào đó có thành kiến rất sâu”, đó là chấp trước! Giới Thủ Kiến (戒取見) là thành kiến nơi nhân, Kiến Thủ Kiến (見取見) là thành kiến nơi quả. Thành kiến đều là sai lầm, trọn chẳng hiểu rõ sự thật. Trong Phật pháp giải thích bằng hai câu: “*Phi nhân kế nhân*”, [nghĩa là] chẳng phải là nhân mà người ấy tưởng lầm là nhân, đó là Giới Thủ Kiến. “*Phi quả kế quả*”, chẳng phải là quả báo, lầm tưởng là quả báo; đó là Kiến Thủ Kiến.

Thí dụ như sanh thiên. Sanh thiên là quả báo, phải như thế nào thì mới có thể sanh lên trời? Ở Ấn Độ, có kẻ trì ngưu giới. “*Trì ngưu giới*”

là học theo trâu bò: Trâu bò ăn cỏ, kẻ ấy cũng đi ăn cỏ. Trâu bò cày ruộng cho con người, người ấy cũng đến thay trâu cày ruộng, hằng ngày ăn cỏ. Cứ ngỡ làm theo kiểu ấy sẽ có thể sanh thiên. Người nào tu kiểu đó? Đương nhiên chẳng phải là kẻ thông thường, mà là kẻ có công phu khá, tu Thiên Định. Trong khi Thiên Định, thấy trâu sau khi chết được sanh lên trời, bèn hiểu lầm: “Vốn là trâu sau khi chết bèn được sanh lên trời”. Thấy con người chết đi đều đọa địa ngục, hoặc biến thành ngạ quỷ, người ấy [nảy sanh quan niệm] phải học theo trâu. Đó là do người ấy chỉ thấy sự thật, chẳng hiểu nhân duyên thật sự. Sanh thiên là do tu thượng phẩm Thập Thiện, có sao trâu có thể sanh lên trời? Đó gọi là “*quả báo thông ba đời*”. Chẳng phải là do trong cuộc đời làm trâu có công đức gì nên có thể sanh thiên, [mà là do] trong đời quá khứ, người ấy từng tu thượng phẩm Thập Thiện, tới lúc này, cái nhân ấy chín muồi. Người tu Định trông thấy [chuyện đó], nhưng chẳng biết chuyện trong quá khứ, hiểu lầm, cứ tưởng làm như vậy sẽ có thể sanh thiên. Đó gọi là Giới Thủ Kiến.

Kiến Thủ Kiến là [hiểu lầm] đối với quả báo, có rất nhiều người ngỡ là hề sanh thiên thì cõi trời sẽ là sống đời đời, vì [họ tưởng lầm] sanh lên cõi trời bèn bắt sanh bắt tử, sẽ sống đời đời, đó là quan niệm sai lầm. Dẫu sanh đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, thọ mạng tám vạn đại kiếp, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, hưởng chi Dục Giới Thiên? Do đó, đây chẳng phải là quả báo chân thật. Chẳng phải là quả báo chân thật, mà tưởng là quả báo chân thật, chấp trước kiên cố, đó gọi là Kiến Thủ Kiến, là sai lầm. Hai loại này, một là thành kiến nơi nhân, một là thành kiến nơi quả, đều thuộc loại vọng tưởng, chấp trước.

Loại thứ năm là Tà Kiến (邪見), chẳng thuộc vào bốn loại trước. Hết thấy các tri kiến sai lầm được quy nạp vào cùng một chỗ, gọi là Tà Kiến. Phối hợp Tứ Đế với tam giới, tổng cộng gồm tám mươi tám phẩm, [tức là] tám mươi tám loại. Tư Hoặc có tám mươi một phẩm, quy nạp thành Ngũ Độn Sử. Độn (鈍) là rất chậm chạp, chẳng dễ đoạn. Quý vị mong đoạn nó thì như thường nói là “*dẫu lia ngó ý, còn vương tơ lòng*”. Ngũ Lợi Sử là Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Tà Kiến. Hễ giác ngộ thì chúng thật sự dễ đoạn. Ngũ Độn Sử là tham, sân, si, mạn, nghi, rất khó đoạn!

Tham là tham ái, đây là căn bản sanh tử. Cổ đức thường nói: “*Ái chẳng nặng, chẳng sanh Sa Bà*”, tức là luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo là do sức mạnh nào thúc đẩy? Do ái dục thúc đẩy. “*Niệm chẳng nhất, chẳng sanh Tịnh Độ*”, phải như thế nào thì mới có thể vãng

sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Niệm phải chuyên nhất. Nói là Một thì quyết định chẳng thể xen tạp, quyết định chẳng thể gián đoạn. Thật sự làm được chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, niệm ấy là Nhất. “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, đây là pháp môn Bất Nhị để thoát tam giới, liễu sanh tử, thoát luân hồi, thành Phật đạo. Do vậy, nhất định phải đoạn tham ái, nó nhất định chẳng phải là thứ tốt đẹp, đời đời kiếp kiếp chúng ta đã bị thứ này hại thâm. Sân khuê là nghiệp nhân của địa ngục. Ngu si là nghiệp nhân của súc sanh đạo. Ngạo mạn, hoài nghi là nghiệp nhân của đoạn thiện căn. Vì sao thiện căn của chúng ta chẳng thể hiện tiền? Ngạo mạn, hoài nghi thánh giáo, nói với quý vị, quý vị sẽ không tin, khó lắm! Cổ thánh tiên hiền vô lượng kiếp khổ tu đã đạt được kinh nghiệm, đạt được giáo huấn quý báu, trao truyền cho chúng ta, chúng ta chẳng tin, chẳng muốn tiếp nhận. Như đối với pháp môn Niệm Phật là kết luận đạt được do sự tu hành trong vô lượng kiếp của vô lượng chư Phật, các Ngài truyền cho chúng ta pháp môn vi diệu nhất, chúng ta hoài nghi pháp ấy, pháp khó tin đó mà!

Cớ sao có tám mươi tám phẩm và tám mươi một phẩm? Trong sách Giáo Thừa Pháp Số có biểu giải⁶, điều này thuộc loại Phật học thường thức, nên ở đây tôi chẳng rườm rà. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.

⁶ Biểu giải: Xếp những khái niệm thành bảng, vẽ các đường mũi tên nối kết nhằm giảng giải quá trình hình thành diễn biến của từng pháp.